TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải.
Bà Bạc Thị Kiên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm 1992;
Nơi ĐKHKTT: Đội 6, xã T C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở hiện nay: Đội 9, xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn C; sinh năm 1991;
Địa chỉ: Đội 6, xã T C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 08 tháng 10 năm 2010, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống hôn nhân của vợ, chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường

xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì thế vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, Tôi đã đưa 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh L và cháu Lò Tuấn K về nhà bố mẹ đẻ tôi ở Đội 9, xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh C đi đâu và làm gì tôi cũng không biết. Nay tình cảm vợ chồng cũng không còn hạnh phúc. Vì vậy chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh L; sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Tuấn K; sinh ngày 24/11/2012, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

Ngày 07/01/2021, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Lò Thị T. Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 103/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tống đạt trực tiếp cho anh Lò Văn C tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh C không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh C từ chối nhận, anh C không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với đội trưởng đội 6, xã T C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nơi anh C cư trú thì đội trưởng đội 6, xã T C cho biết anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại đội 6, xã T C, huyện Điện Biên nhưng hiện nay anh C đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh C đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại đội 6, xã T C, huyện Điện Biên và UBND xã T C, huyện Điện Biên; Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh C cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại phiên tòa anh C vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 06/5/2021. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn C đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. chị Lò Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07/01/2021 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn C có địa chỉ tại đội 6, xã T C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ngày 07/01/2021 chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh C đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn C kết hôn năm 2010 tại UBND xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Theo chị T thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, chị T đã đưa 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ ở Đội 9, xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, nay chị T xin được ly hôn với anh C. Tòa án đã thông báo cho anh C được biết, nhưng anh C từ chối nhận và anh C không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh C nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh C vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị T khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn C.

[2.2] Xét về con chung: Chị Lò Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh L; sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Tuấn K; sinh ngày 24/11/2012 và xét đơn trình bày nguyện vọng của cháu Ly và cháu K mong muốn được ở cùng với mẹ đẻ để chị em có điều kiện học tập tốt nhất. Xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì hiện nay các cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị T cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo đội 6, xã T C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên và UBND xã T C, huyện Điện Biên xác nhận thì vợ chồng chị T và anh C khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã sống ly thân, chị T đã đưa 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ tại đội 9, xã T H, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh C thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị T và

lãnh đạo đội cũng không biết, không có thời gian chăm sóc các con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị T và của cháu Khánh L và cháu Tuấn K. Giao các con cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh C có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T khai không có.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh L; sinh ngày 11/5/2010 và cháu Lò Tuấn K; sinh ngày 24/11/2012 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000852 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lò Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lò Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T H, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T C, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan